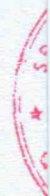




RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 27

T.Đ.
R.A.
K.I.
L.V.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty và Công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở chính được đặt tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có mở Chi nhánh Hải Phòng tại Số 208 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, Công ty có đầu tư vào một công ty con là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans). Hanotrans có cùng địa chỉ giao dịch với Công ty. Hiện nay, Hanotrans có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Hải Phòng, đặt tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Hồ Chí Minh, đặt tại 145 –147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - Đại lý tàu biển;
 - Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 01/VT-UQ ngày 01 tháng 5 năm 2013, ông Nguyễn Xuân Giang, người đại diện theo pháp luật – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền thường xuyên cho ông Trần Công Thành, thay mặt Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty ký các hóa đơn, chứng từ chi phí, công văn, tờ khai hải quan, hợp đồng vận tải, hợp đồng giao nhận, hợp đồng xuất nhập khẩu trực tiếp, hợp đồng xuất nhập khẩu ủy thác, hợp đồng lao động quyết định bổ nhiệm nhân sự, hợp đồng với ngân hàng, các giấy tờ liên quan đến công bố thông tin, giấy tờ với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng Khoán, Trung tâm lưu ký, và các giấy tờ khác có liên quan đến các hoạt động kinh doanh tại Công ty. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

3. Thành viên của Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Ủy viên
Bà Dương Minh Châu	Ủy viên

4. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN GIANG

Handwritten red stamp or signature on the right margin.



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.176B/BCSX-DTL

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và Công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 27 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2013



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232.732.169.382	218.575.060.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	92.596.640.481	85.438.006.810
1. Tiền	111		14.605.676.781	34.514.928.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		77.990.963.700	50.923.078.700
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	3.752.000.000	8.134.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.752.000.000	8.134.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	106.709.743.662	99.518.603.210
1. Phải thu khách hàng	131		99.543.002.411	85.905.594.958
2. Trả trước cho người bán	132		8.403.060.678	14.482.671.126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		868.729.060	863.438.188
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.105.048.487)	(1.733.101.062)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.673.785.239	25.484.450.398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.000.000	90.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.560.538.083	1.032.554.655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			613.285.543
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	25.083.247.156	23.748.610.200

(Phần tiếp theo ở trang 06)

S.Đ.K.K.
 *
 00

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.861.558.712	44.591.629.291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		37.471.939.438	34.525.774.833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	29.948.119.172	17.543.691.382
+ Nguyên giá	222		49.163.381.522	35.782.645.967
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.215.262.350)	(18.238.954.585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.992.618.277	1.153.261.032
+ Nguyên giá	228		3.066.447.877	2.237.750.157
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.073.829.600)	(1.084.489.125)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	5.531.201.989	15.828.822.419
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	9.173.566.540	9.733.026.540
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			890.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.525.000.000	9.525.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(351.433.460)	(681.973.460)
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		2.216.052.734	332.827.918
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	(5.9)	496.052.734	332.827.918
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278		1.720.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		281.593.728.094	263.166.689.709

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		177.599.950.303	163.287.214.901
I. Nợ ngắn hạn	310		177.599.950.303	163.287.214.901
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	121.055.519.655	123.161.795.728
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	22.152.498.872	682.115.842
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	3.602.158.522	4.135.124.647
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	12.829.865.522	10.533.915.737
6. Chi phí phải trả	316		5.215.757.106	7.945.666.871
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	10.792.772.108	16.410.996.848
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.951.378.518	417.599.228
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.993.777.791	99.879.474.808
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	103.993.777.791	99.879.474.808
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.720.000.000	54.720.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.900.293.842	8.021.870.476
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.000.000.000	4.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.14.5)	34.661.392.031	32.425.512.414
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		281.593.728.094	263.166.689.709

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		563.506,64	607.092,10
+ JPY		33.000,00	33.000,00
+ EUR		5.466,10	5.543,97
+ SGD		500,00	500,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		327.005.727.844	253.382.539.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	(6.1)	327.005.727.844	253.382.539.634
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	309.195.333.786	233.588.635.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và	20		17.810.394.058	19.793.903.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	5.801.180.260	7.641.981.266
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.017.526.227	758.559.083
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	9.266.805.546	7.477.517.364
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động	30		13.327.242.545	19.199.808.806
11. Thu nhập khác	31		5.339.176.282	727.505.698
12. Chi phí khác	32			543.828.659
13. Lợi nhuận khác	40		5.339.176.282	183.677.039
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.666.418.827	19.383.485.845
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	4.515.394.854	4.233.287.797
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60		14.151.023.973	15.150.198.048
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.151.023.973	15.150.198.048
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	2.613	2.797

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.666.418.827	19.383.485.845
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.182.039.240	1.956.138.349
Các khoản dự phòng	03		41.407.425	(680.339.094)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		525.610.266	(92.286.049)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.307.821.133)	(5.559.909.652)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi	08		17.107.654.625	15.007.089.399
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.204.529.847)	(10.395.112.067)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế	11		6.130.733.120	13.695.101.850
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(103.224.816)	131.520.805
Tiền lãi vay đã trả	13			-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.868.927.711)	(3.875.680.592)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		700.840.000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.332.400.000)	(950.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		1.430.145.371	13.612.559.395
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.062.604.180)	(5.611.433.343)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.727.273	536.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(25.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.910.000.000	13.806.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào	26		890.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi	27		3.900.661.860	5.537.128.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.640.784.953	(11.232.305.301)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ	36		(5.045.067.000)	(12.407.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.045.067.000)	(12.407.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7.025.863.324	(10.026.995.906)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.438.006.810	81.543.488.953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối	61		132.770.347	(86.610.008)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		92.596.640.481	71.429.883.039

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG

100
C
PH
EM
D.
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có mở Chi nhánh Hải Phòng tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - Đại lý tàu biển;
 - Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu
 - Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh

0558
G T
V H
T O
T. I
S C V

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

- 1. Quyền biểu quyết của Công ty: 100%
- 2. Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn: 100%
- 3. Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Tập đoàn theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Tập đoàn.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 24 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Chi phí để có quyền sử dụng đất	13 năm
+ Phần mềm quản lý	02 - 03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng

4.7. Quỹ lương

Quỹ lương 6 tháng đầu năm 2013 được trích theo Quyết định số 001-2012/TGD ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Tổng Giám đốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 03 năm 2013.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Thuế suất thuế TNDN là 25%.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

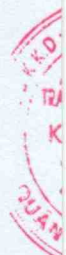
5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	3.170.371.827	2.416.638.047
Tiền gửi ngân hàng	11.435.304.954	32.098.290.063

Các khoản tương đương tiền

77.000.000.000

77.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 9 đến 12 tháng tại Ngân hàng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	99.543.002.411	85.905.594.958
Trả trước cho người bán	8.403.060.678	14.482.671.126
Các khoản phải thu khác	868.729.060	863.438.188
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	108.814.792.149	101.251.704.272
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.105.048.487)	(1.733.101.062)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	106.709.743.662	99.518.603.210

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.474.287.156	617.710.200
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.608.960.000	23.130.900.000
Tổng cộng	25.083.247.156	23.748.610.200

Ký quỹ ngắn hạn là các khoản ký quỹ tại các hãng hàng không và Ngân hàng để thực hiện hợp đồng đại lý hàng hóa với Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.749.745.867	1.924.048.598	27.613.829.272	1.495.022.230	35.782.645.967
Mua trong kỳ	-	116.684.800	-	82.926.545	199.611.345
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.976.892.917	2.514.855.262	-	-	14.491.748.179
Giảm khác	-	(326.977.722)	(189.613.604)	(794.032.643)	(1.310.623.969)
Số dư cuối kỳ	16.726.638.784	4.228.610.938	27.424.215.668	783.916.132	49.163.381.522
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.539.087.282	1.109.588.167	13.420.183.143	1.170.095.993	18.238.954.585
Khấu hao trong kỳ	252.511.919	194.872.456	1.581.710.238	73.573.522	2.102.668.135
Giảm khác	-	(258.644.906)	(189.613.604)	(678.101.860)	(1.126.360.370)
Số dư cuối kỳ	2.791.599.201	1.045.815.717	14.812.279.777	565.567.655	19.215.262.350
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.210.658.585	814.460.431	14.193.646.129	324.926.237	17.543.691.382
Tại ngày cuối kỳ	13.935.039.583	3.182.795.221	12.611.935.891	218.348.477	29.948.119.172

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.801.394.659 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.823.682.327	414.067.830	2.237.750.157
Tăng do điều chuyển	918.728.350	-	918.728.350
Thanh lý, nhượng bán	-	(90.030.630)	(90.030.630)
Số dư cuối kỳ	2.742.410.677	324.037.200	3.066.447.877
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	793.406.706	291.082.419	1.084.489.125
Khấu hao trong kỳ	58.910.984	20.460.121	79.371.105
Thanh lý, nhượng bán	-	(90.030.630)	(90.030.630)
Số dư cuối kỳ	852.317.690	221.511.910	1.073.829.600
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.030.275.621	122.985.411	1.153.261.032
Tại ngày cuối kỳ	1.890.092.987	102.525.290	1.992.618.277

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 144.515.600 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí xây dựng kho bãi	5.436.862.989	15.734.483.419
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng	5.531.201.989	15.828.822.419

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	-	890.000.000
Đầu tư dài hạn khác	9.525.000.000	9.525.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	9.525.000.000	10.415.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(351.433.460)	(681.973.460)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	9.173.566.540	9.733.026.540

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	Số tiền	Số cổ phiếu	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	6.900.000.000	505.540	5,62%
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight)	2.625.000.000	175.000	3,13%
	9.525.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	121.055.519.655	123.161.795.728
Người mua trả tiền trước	22.152.498.872	682.115.842
Tổng cộng	143.208.018.527	123.843.911.570

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	247.063.273	183.445.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.971.016.052	1.937.834.452
Thuế thu nhập cá nhân	259.211.836	766.751.132
Các loại thuế khác	1.124.867.361	1.247.093.568
Tổng cộng	3.602.158.522	4.135.124.647

5.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương 6 tháng đầu năm 2013 còn phải trả.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.019.330	4.396.578
Cổ tức phải trả	957.235.500	1.015.062.000
Nhận tiền cược cho thuê container lạnh	3.978.000.000	4.930.000.000
Nhận tiền tạm ứng dự án phát triển lúa gạo tại Cuba	5.367.000.000	5.367.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	488.517.278	5.094.538.270
Tổng cộng	10.792.772.108	16.410.996.848

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

in tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 ở Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

chủ sở hữu
động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: ngàn đồng	
								Tổng cộng	
đầu năm trước	54.720.000	1.029.300	(817.208)	7.563.230	500.000	3.000.000	24.019.937	90.015.259	
nhận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	27.177.182	27.177.182	
ch quỹ	-	-	-	458.640	-	1.000.000	(4.786.405)	(3.327.765)	
a cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	(2.708.300)	(2.708.300)	
n ứng cổ tức đợt 1/2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)	
n ứng cổ tức đợt 2/2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)	
u lao và thưởng HĐQT Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(443.702)	(443.702)	
Số dư đầu năm nay	54.720.000	1.029.300	(817.208)	8.021.870	500.000	4.000.000	32.425.512	99.879.475	
nhận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	14.151.024	14.151.024	
ch quỹ	-	-	-	878.424	-	1.000.000	(5.955.001)	(4.076.577)	
a cổ tức 2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)	
u lao và thưởng HĐQT Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(543.544)	(543.544)	
Số dư cuối kỳ	54.720.000	1.029.300	(817.208)	8.900.294	500.000	5.000.000	34.661.392	103.993.778	



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
Tổng cộng	54.720.000.000	100%	54.720.000.000	100%

5.14.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	55.400	55.400
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.416.600	5.416.600
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phần.		

5.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	14.151.023.973	15.150.198.048
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.416.600	5.416.600
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.613	2.797

5.14.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	32.425.512.414	24.019.937.651
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	14.151.023.973	15.150.198.048
Trích lập Quỹ dự trữ vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(878.423.366)	(458.640.332)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.620.120.990)	(3.771.467.196)
Chia cổ tức	(5.416.600.000)	(2.708.300.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1	-	(5.416.600.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	34.661.392.031	25.815.128.171

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	327.005.727.844	253.382.539.634

6.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	20.087.228.534	19.217.611.020
Chi phí công cụ dụng cụ	353.457.968	154.076.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.768.390.011	1.537.405.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.050.893.885	207.489.177.223
Chi phí bằng tiền khác	5.935.363.388	5.190.365.582
Tổng cộng	309.195.333.786	233.588.635.647

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận được chia từ Vinalink và Vinafreight	604.839.409	579.432.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.700.254.451	4.957.696.042
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.496.086.400	2.012.567.175
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	92.286.049
Tổng cộng	5.801.180.260	7.641.981.266

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng đầu tư tài chính	(330.540.000)	580.750.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	822.455.961	177.809.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	525.610.266	-
Tổng cộng	1.017.526.227	758.559.083

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	4.792.747.140	4.199.956.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.283.374	54.190.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	413.649.229	418.733.328
Thuế, phí và lệ phí	99.274.508	156.633.690
Chi phí dự phòng	371.947.425	30.036.977
Chi phí khác bằng tiền	3.426.903.870	2.617.966.144
Tổng cộng	9.266.805.546	7.477.517.364

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Công ty mẹ	Hanotrans	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	15.389.160.367	3.277.258.460	18.666.418.827
Cổ tức được chia	(604.839.409)	-	(604.839.409)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.784.320.958	3.277.258.460	18.061.579.418
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	3.696.080.239	819.314.615	4.515.394.854

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	24.879.975.674	23.417.567.611
Chi phí công cụ, dụng cụ	515.741.342	208.267.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.182.039.240	1.956.138.349
Chi phí dự phòng	371.947.425	30.036.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.050.893.885	207.489.177.223
Chi phí khác bằng tiền	9.461.541.766	7.964.965.416
Tổng cộng	318.462.139.332	241.066.153.011

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, được gọi là các bên liên quan đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị Công ty	297.138.882	222.222.217
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc Công ty	660.000.000	780.000.000

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CƠ PHÂN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

án tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 à *Đông Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

cáo bộ phận

án phục vụ mục đích quản lý. Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực
 ý như sau:

Hà Nội

Hải Phòng

giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

nh thu	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
hách hàng bên ngoài	184.330.674.098	142.675.053.746	-	327.005.727.844
các bộ phận	14.490.404.985	4.287.911.885	(18.778.316.870)	-
Tổng cộng	198.821.079.083	146.962.965.631	(18.778.316.870)	327.005.727.844
quả hoạt động kinh doanh				
quả của bộ phận	2.430.745.429	6.112.843.083	-	8.543.588.512
phí không phân bổ	-	-	-	-
huận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	2.430.745.429	6.112.843.083	-	8.543.588.512
nhập tài chính	4.195.823.513	1.605.356.747	-	5.801.180.260
phí tài chính	148.255.222	869.271.005	-	1.017.526.227
huận khác	5.172.868.265	166.308.017	-	5.339.176.282
thu nhập doanh nghiệp	2.761.585.644	1.753.809.211	-	4.515.394.854
huận sau thuế	8.889.596.342	5.261.427.632	-	14.151.023.973
ch cổ đông thiểu số	-	-	-	-
huận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-
ợi nhuận thuần	8.889.596.342	5.261.427.632	-	14.151.023.973

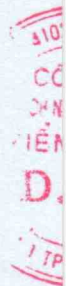
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Thông tin khác				
Chi phí của bộ phận	156.791.602.594	162.070.709.375	(37.268.583.875)	281.593.728.094
Chi phí liên kết	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Cộng tài sản hợp nhất				281.593.728.094
Chi trả của bộ phận	52.797.824.803	162.070.709.375	(37.268.583.875)	177.599.950.303
Chi trả không phân bổ	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả hợp nhất				177.599.950.303
Chi mua sắm tài sản	(58.382.000)	(3.004.222.180)	-	(3.062.604.180)
Chi khấu hao	254.291.517	1.927.747.723	-	2.182.039.240

Chi phí phân bổ không có báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất vì hoạt động của Tập đoàn chỉ là cung cấp dịch vụ logistics nên báo cáo kết quả kinh đã trình bày doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết quyết minh.

(Phần tiếp theo trang 25)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.596.640.481	85.438.006.810
Đầu tư ngắn hạn	3.752.000.000	8.134.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.306.682.984	85.035.932.084
Đầu tư dài hạn	9.173.566.540	8.843.026.540
Tài sản tài chính khác	25.328.960.000	23.130.900.000
Tổng cộng	203.828.890.005	210.581.865.434
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	130.400.519.655	139.572.792.576
Chi phí phải trả	9.256.626.254	7.945.666.871
Tổng cộng	139.657.145.909	147.518.459.447

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ tài chính		Tài sản tài chính	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	4.246.530,64	4.946.989,78	2.152.972,42	2.536.130,41
Yên Nhật (JPY)	-	-	33.000,00	33.000,00
Euro (EUR)	-	-	5.466,10	5.543,97
Đô la Singapore (SGD)	-	-	500,00	500,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Tập đoàn có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	130.400.519.655	-	130.400.519.655
Chi phí phải trả	9.256.626.254	-	9.256.626.254
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	139.572.792.576	-	139.572.792.576
Chi phí phải trả	7.945.666.871	-	7.945.666.871

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.306.682.984	-	98.306.682.984
Tài sản tài chính khác	23.608.960.000	1.720.000.000	25.328.960.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.035.932.084	-	85.035.932.084
Tài sản tài chính khác	23.130.900.000	-	23.130.900.000

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 08 năm 2013.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG